

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2022/DS-ST

Ngày: 21-9-2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2539/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2022/QĐST-DS ngày ngày 05 tháng 9 năm 2022; giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch K, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: 1/ Bà Hà L, sinh năm 1974 (vắng mặt không lý do)

2/ Ông Thạch N, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp Ô T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 16-7-2021 (bút lục 01, 14 và 26) trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch K trình bày:

Bà có tham gia góp hụi do bà Hà L và ông Thạch N làm chủ hụi rất nhiều đây, cụ thể vào ngày 24-10-2019 DL, đây số 12, loại hụi 3.000.000 đồng; Ngày 09-01-2020 DL, đây hụi số 22, loại hụi 2.000.000 đồng; Ngày 17-3-2020 DL, đây hụi số 45; loại hụi 5.000.000 đồng. Sau khi úp hụi giữa bà và bà L có đối chiếu số tiền bà đã đóng nhưng chỉ nói miệng, không lập văn bản đối chiếu. Đến nay các đây hụi trên bà L đã úp hụi nhưng chưa trả lại số tiền hụi bà đã đóng hụi sống, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể từng đây hụi như sau:

1. Ngày 24-10-2019 DL, loại hụi 3.000.000 đồng, đây số 12 chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng kê 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được 13 lần hụi sống bằng 15.750.000 đồng, đến lần khai thứ 14 bà L úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào.

2. Ngày 09-01-2020 DL, loại hụi 2.000.000 đồng, đây số 22 chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà L có giao danh sách hụi viên cho bà có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 800.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng kê 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống bằng 5.930.000 đồng, đến lần khai thứ 09 bà L úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào.

3. Ngày 17-3-2020 DL, đây hụi số 45; loại hụi 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho bà, gồm có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, nửa tháng kê 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được 04 lần hụi sống bằng 10.280.000 đồng, đến lần khai thứ 05 bà L úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Do đó bà yêu cầu bà Hà L và ông Thạch N trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 24-10-2019 DL, đây hụi số 12; Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 09-01-2020 DL, đây hụi số 22; Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, đây hụi số 45). Bà yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày bà L úp hụi 01-05-2020 đến ngày 21-9-2022 với lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn bà Hà L và ông Thạch N đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 08-2-2022 và 24-5-2022 nhưng ông Thạch N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày, riêng bà Hà L có mặt tại phiên hòa giải ngày 24-5-2022 trình bày nội dung nhưng không ký tên vào biên bản hòa giải:

Bà có làm đầu thảo hụi các đây hụi do bà K trình bày, bà K có tham gia chơi hụi nhưng do không có đem theo sổ hụi nên không nhớ còn thiếu bà K bao nhiêu tiền, khi nào các hụi viên đã hốt hụi trả tiền nợ hụi cho bà thì bà sẽ trả cho bà K.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 01 danh sách hội viên loại hội 3.000.000 đồng, dây số 12, mở ngày 24-10-2019 DL; loại hội 2.000.000 đồng, dây số 22, mở ngày 09-01-2020 DL; Loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, dây hội số 45; 01 chứng minh nhân dân tên K và 01 Sổ hộ khẩu gia đình (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Hà L và bà Kim K thống nhất bà K có tham gia 03 dây hội loại hội 3.000.000 đồng, dây số 12, mở ngày 24-10-2019 DL và loại hội 2.000.000 đồng, dây số 22, mở ngày 09-01-2020 DL; Loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, dây hội số 45 bà K chưa được hốt hội thì bà L đã úp hội.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Hà L cho rằng khi nào bà thu được tiền hội từ những hội viên đã hốt trong 03 dây hội mà bà K tham gia thì bà L mới trả tiền hội đã đóng cho bà K. Bà K không đồng ý mà yêu cầu bà L và cả ông N cùng trả cho bà tiền hội đã đóng là 31.960.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 01/5/2022 đến nay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch K. Buộc bà Hà L và ông Thạch N trả tiền hội sống mà bà Thạch K đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng và lãi chậm trả. Buộc bà Hà L và ông Thạch N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Thạch K khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Đồng thời bị đơn bà Hà L và ông Thạch N cư trú tại ấp Ô T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà K và bà L và ông Thạch N.

Ngày 30-9-2021 Tòa án ra quyết định nhập vụ án thụ lý số: 2537, 2538, 2539/2021.TBTL-DS ngày 11-01-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” thành 01 vụ án thụ lý số: 2539/2021/TLST-DS, ngày 11-01-2021.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch K yêu cầu bà Hà L và ông Thạch N trả tiền hui mà bà đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng (Loại hui 3.000.000 đồng, mở ngày 24-10-2019 DL, dây hui số 12; Loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 09-01-2020 DL, dây hui số 22; Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, dây hui số 45). Đồng thời bà yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền hui vốn gốc là 31.960.000 đồng từ ngày 01-5-2020 đến ngày xét xử vụ án (21-9-2022) với lãi suất 0.83%/ tháng.

Xét hợp đồng góp hui giữa bà K với bà L và ông Thạch N là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà L và ông Thạch N làm chủ hui của rất nhiều dây hui, loại hui khác nhau trong đó có các dây hui loại hui 3.000.000 đồng, mở ngày 24-10-2019 DL, dây hui số 12 và loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 09-01-2020 DL, dây hui số 22; Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, dây hui số 45. Sau khi úp hui đáng lẽ bà L và ông Thạch N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hui sống cho các hui viên đã tham gia góp hui, nhưng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên khi có yêu cầu, nên bà L và ông Thạch N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà K nên bà K khởi kiện bà L và ông Thạch N là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 07/QĐ-YCCCTLCC ngày 18-01-2022 yêu cầu bà Hà L và ông Thạch N cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà đối với đơn khởi kiện của bà K và các chứng cứ để Tòa án xem xét (bút lục 42-43). Ngày 04/5/2022 Tòa án tiếp tục ban hành công văn số 189/CV-TA kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hui viên do bà K nộp để yêu cầu bà L và ông N đối chiếu danh sách hui viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hui sống cho bà L và ông N. Đồng thời cho bà L và ông N thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu bà Hà L và ông Thạch N không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” (bút lục 49-50). Tất cả các văn bản trên đều được tổng đạt hợp lệ cho bà L và ông N nhưng đến hôm nay bà L và ông N vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến 03 dây hui mà bà Thạch K khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn bà Thạch K cung cấp được 03 danh sách hui viên của 03 dây hui (bút lục 02, 15 và 27). Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 24-5-2022 có mặt bà L, bà L cũng xác định bà K có tham gia chơi 03 dây hui như bà K trình bày và chưa được hốt thì bà L úp hui nhưng số tiền đóng từng lần do bà không mang sổ hui nên không nhớ cụ thể. Bà L hứa sẽ cung cấp số liệu cho Tòa án sau nhưng đến nay bà L cũng không thực hiện. Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà K có chơi hui như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hui sống đã được nêu trong công văn tổng đạt cho bà L và ông N nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Do đó yêu cầu của bà K về việc buộc bà Hà Mộng L và ông Thạch N trả tiền hui mà bà đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngày 01-5-2020 là ngày úp hui do đó yêu cầu về thời điểm tính lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ, lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0,83%/tháng phù hợp với lãi suất chậm trả theo quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi chậm trả được tính như sau: $31.960.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 7.604.350 \text{ đồng}$ (từ ngày 01-5-2020 đến ngày 21-9-2022).

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch K; Buộc bà Hà Mộng L và ông Thạch N trả tiền hui mà bà đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 7.604.350 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Hà L và ông Thạch N phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Thạch K không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ biểu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch K.

2. Buộc bà Hà L và ông Thạch N trả cho bà Thạch K số tiền 39.564.350 đồng (trong đó tiền hội sống mà bà Thạch K đã đóng tổng cộng bằng 31.960.000 đồng và lãi chậm trả là 7.604.350 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Hà L và ông Thạch N phải chịu 1.978.218 đồng án phí dân sự.

Bà Thạch K không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001477 ngày 06-01-2021; 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001478 ngày 06-01-2021 và 975.000 đồng theo biên lai thu số 0001479 ngày 06-01-2021; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho bà Thạch K.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Quyền

